

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2161/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 25 tháng 6 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn các phường Xuân Hòa, Xuân Bình (bổ sung) và xã Bàu Trâm (bổ sung) của thành phố Long Khánh

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;*

*Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;*

*Trên cơ sở Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Trên cơ sở Văn bản số 5406/UBND-KGVX ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Xét đề nghị của Chủ tịch UBND thành phố Long Khánh tại Tờ trình số 781/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc đề nghị phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối tượng người lao động theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Long Khánh;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 233/TTr-LĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2020.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn các phường Xuân Hòa, Xuân Bình (bổ sung) và xã Bàu Trâm (bổ sung) của thành phố Long Khánh gồm

171 đối tượng là người lao động và chi phí hỗ trợ là 171.000.000 đồng (một trăm bảy mươi một triệu đồng chẵn).

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách thành phố Long Khánh (50% dự phòng ngân sách thành phố năm 2020 và nguồn cải cách tiền lương còn dư ngân sách thành phố).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định)

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Giao UBND thành phố Long Khánh chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hợp đồng với Bưu điện cùng cấp chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trũng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bưu điện tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Long Khánh và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hòa Hiệp**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG BỊ MẤT VIỆC  
DO ĐẠI DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2161 /QĐ-UBND ngày 25/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

**I. PHƯỜNG XUÂN HÒA**

| STT | Họ và tên         | Năm sinh | CMND      | Địa chỉ                     | Công việc trước khi bị mất việc | Địa điểm làm việc                    | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng) | Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng) | Ký nhận và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|-----|-------------------|----------|-----------|-----------------------------|---------------------------------|--------------------------------------|--------------------|------------------------------|---------------------------|--------------------------|---------|
| 1   | Trương Trí        | 1963     | 271836669 | 189/20/1, KP1, P. Xuân Hòa  | Chạy xe ba bánh                 | Chợ Long Khánh                       | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 2   | Trần Văn Thắng    | 1967     | 270877304 | 189/69/18, KP1, P. Xuân Hòa | Chạy xe ôm                      | Bệnh viện Long Khánh                 | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 3   | Lê Thị Nhung      | 1961     | 270573562 | 189/55/1, KP1, P. Xuân Hòa  | Thu gom phế liệu                | Đường Quang trung, P. Xuân Hòa       | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 4   | Phạm Trung Châu   | 1956     | 271210358 | 34/6, KP1, P. Xuân Hòa      | Chạy xe ôm                      | Bệnh viện Long Khánh                 | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 5   | Phạm Thị Hồng Nga | 1973     | 271113402 | 189/69/12, KP1, P. Xuân Hòa | Phụ bán quán bún bò             | Bún Tháo, Lý Thường Kiệt, P. Xuân An | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 6   | Phạm Viết Thành   | 1956     | 270572530 | 191/3/4, KP1, P. Xuân Hòa   | Chạy xe ba bánh                 | Chợ Long Khánh                       | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |

| STT | Họ và tên          | Năm sinh | CM/MND    | Địa chỉ                    | Công việc trước khi bị mất việc                 | Địa điểm làm việc                          | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng) | Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng) | Ký nhận và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------|-----------|----------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------|------------------------------|---------------------------|--------------------------|---------|
| 7   | Trần Minh Hưng     | 1969     | 270857648 | 191/3/39, KP1, P. Xuân Hòa | Chạy xe ôm                                      | Chợ Long Khánh                             | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 8   | Trần Thị Hương Lan | 1977     | 271220962 | 191/3/49, KP1, P. Xuân Hòa | Bán hàng rong (Khoai lang luộc, khoai mì nướng) | Chợ Xuân Hòa                               | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 9   | Hoàng Thị Thu Thủy | 1983     | 271603374 | 189/39, KP1, P. Xuân Hòa   | Bán hàng rong (bánh tráng nướng)                | Công viên P. Xuân An                       | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 10  | Lê Thị Vàng        | 1984     | 272874308 | 191/13, KP1, P. Xuân Hòa   | Bán hủ tiếu gõ                                  | Nguyễn Văn Cừ, KP1, P. Xuân Hòa            | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 11  | Lê Thị Cẩm Tú      | 1958     | 271975432 | 191/65, KP1, P. Xuân Hòa   | Bán hàng rong (Hoa lan)                         | Đường Quang Trung, P. Xuân Hòa             | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 12  | Lê Thị Mỹ Lệ       | 1961     | 270563917 | 138, KP1, P. Xuân Hòa      | Phụ quán                                        | Quán King, Trần Huy Liệu, KP2, P. Xuân Hòa | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 13  | Trần Thị Bích Mai  | 1971     | 272204050 | KP1, P. Xuân Hòa           | phụ bán cam vắt via hè                          | Via hè Hùng Vương, KP1, P. Xuân Hòa        | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 14  | Tà Thị Nhung       | 1986     | 112174467 | KP1, P. Xuân Hòa           | phụ bán cà phê via hè                           | Via hè Hùng Vương, KP1, P. Xuân Hòa        | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 15  | Lê Thị Sen         | 1976     | 363754621 | 189/24, KP1, P. Xuân Hòa   | Phụ bán cà phê                                  | hẻm Nguyễn Văn Cừ KP1, P. Xuân Hòa         | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |

| STT | Họ và tên           | Năm sinh | CMND      | Địa chỉ                                | Công việc trước khi bị mất việc | Địa điểm làm việc                                          | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng) | Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng) | Ký nhận và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|-----|---------------------|----------|-----------|----------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------|---------------------------|--------------------------|---------|
| 16  | Nguyễn Tấn Thành    | 1966     | 270827498 | 430/83, Hồ Thị Hương, KP2, P. Xuân Hòa | Phục vụ quán                    | Cà phê Phương Trang 430/83, Hồ Thị Hương, KP2, P. Xuân Hòa | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 17  | Lê Thị Lài          | 1966     | 270857117 | 430/81, Hồ Thị Hương, KP2, P. Xuân Hòa | Phụ quán Bún riêu               | 430/81, Hồ Thị Hương, KP2, P. Xuân Hòa                     | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 18  | Võ Thị Minh Châu    | 1977     | 271316683 | Tổ 1, KP2, P. Xuân Hòa                 | phụ quán Bún riêu               | 430/63, Hồ Thị Hương, KP2, P. Xuân Hòa                     | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 19  | Võ Văn Nguyệt       | 1978     | 272874360 | 430/63, Hồ Thị Hương, KP2, P. Xuân Hòa | Bán hàng rong (bán rau chườ)    | Chợ Xuân Hòa                                               | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 20  | Nguyễn Thị Kim Hiền | 1958     | 270583562 | Tổ 2, KP2, P. Xuân Hòa                 | Rửa ly, chén                    | Quán SKY, Nguyễn Thị Minh Khai, tổ 2, KP2, P. Xuân Hòa     | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 21  | Võ Thị Bằng         | 1952     | 272423557 | Tổ 2, KP2, P. Xuân Hòa                 | Rửa ly, chén                    | Quán SKY, Nguyễn Thị Minh Khai, tổ 2, KP2, P. Xuân Hòa     | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 22  | Ngô Thị Trúc Linh   | 1982     | 271502780 | P. Xuân Hòa                            | Phụ quán                        | Nhất Quán, 137 Nguyễn Thị Minh Khai, KP2, P. Xuân Hòa      | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 23  | Vũ Thị Bích Thủy    | 1984     | 271601522 | P. Xuân Hòa                            | Phụ quán                        | Nhất Quán, 137 Nguyễn Thị Minh Khai, KP2, P. Xuân Hòa      | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 24  | Vũ Thị Kim Loan     | 1985     | 271601523 | P. Xuân Hòa                            | Phụ quán                        | Nhất Quán, 137 Nguyễn Thị Minh Khai, KP2, P. Xuân Hòa      | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |

| STT | Họ và tên            | Năm sinh | CMND      | Địa chỉ                | Công việc trước khi bị mất việc | Địa điểm làm việc                                        | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng) | Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng) | Ký nhận và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|-----|----------------------|----------|-----------|------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------|---------------------------|--------------------------|---------|
| 25  | Chương Mục Sáng      | 2002     | 272907859 | P. Xuân Hòa            | Phụ quán                        | Nhất Quán, 137<br>Nguyễn Thị Minh Khai, KP2, P. Xuân Hòa | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 26  | Đặng Trần Lan Anh    | 1997     | 272587268 | 558, KP3, P. Xuân Bình | Phụ quán                        | Nhất Quán, 137<br>Nguyễn Thị Minh Khai, KP2, P. Xuân Hòa | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 27  | Nguyễn Thị Lệ Thu    | 1973     | 271048517 | tổ 6, KP2              | Phụ quán                        | Cà phê Win, 185, Quang Trung, KP4, P. Xuân Hòa           | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 28  | Huỳnh Thị Tiến       | 1958     | 270539589 | tổ 3, KP2              | Phụ quán                        | Cà phê 16, Tổ 3, KP2, P. Xuân Hòa                        | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 29  | Đinh Hoàng Quốc Tuấn | 1975     | 271160124 | 104/9/ KP2             | Phụ quán                        | Quán King, Trần Huy Liệu, KP2, P. Xuân Hòa               | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 30  | Võ Thị Kiều Nguyễn   | 1994     | 272304975 | P. Xuân Hòa            | Phụ quán                        | Cà phê Phở cổ, 173, Quang Trung, KP4, P. Xuân Hòa        | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 31  | Nguyễn Thị Cẩm Ngân  | 1996     | 272549243 | P. Xuân Hòa            | Phụ quán                        | Cà phê Phở cổ, 173, Quang Trung, KP4, P. Xuân Hòa        | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 32  | Tăng Văn Trường      | 1996     | 272572516 | P. Xuân Hòa            | Phụ quán                        | Cà phê Phở cổ, 173, Quang Trung, KP4, P. Xuân Hòa        | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 33  | Huỳnh Tấn Kiệt       | 1999     | 272632185 | P. Xuân Hòa            | Phụ bếp                         | Cà phê Phở cổ, 173, Quang Trung, KP4, P. Xuân Hòa        | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |

| STT | Họ và tên            | Năm sinh | CMND      | Địa chỉ                                               | Công việc trước khi bị mất việc                   | Địa điểm làm việc                            | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại (BVT đồng) | Số tiền hỗ trợ (BVT đồng) | Ký nhận và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|-----|----------------------|----------|-----------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------|------------------------------|---------------------------|--------------------------|---------|
| 34  | Lê Thúy Hằng         | 1987     | 271816039 | 160, KP3, P. Xuân Trung.                              | Phụ quán                                          | Quán cơm 07, Trần Huy Liệu, KP2, P. Xuân Hòa | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 35  | Huỳnh Thanh Trí      | 1981     | 271404980 | 160, KP3, P. Xuân Trung.                              | Phụ quán                                          | Quán cơm 07, Trần Huy Liệu, KP2, P. Xuân Hòa | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 36  | Trần Thị Lê          | 1983     | 271758712 | Tổ 4, KP2, P. Xuân Hòa                                | Bán hàng rong (bán khoai lang, bột chiên)         | Chợ Xuân Hòa                                 | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 37  | Nguyễn Thị Hà        | 1982     | 272496159 | Tổ 4, KP2, P. Xuân Hòa                                | Bán hàng rong (bột chiên, bánh đa lợn, bánh tiêu) | Chợ cũ Long Khánh, phường Xuân An            | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 38  | Nguyễn Thị Mai Thảo  | 1967     | 271075676 | hẻm 151, tổ 4, KP2                                    | Bán hàng rong (bún bột chiên)                     | Chợ Xuân Hòa                                 | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 39  | Nguyễn Thị Lan Hương | 1958     | 271851187 | 46/151, Nguyễn Thị Minh Khai, KP2, P. Xuân Hòa        | Phụ quán                                          | Quán Phở Quang Trung, KP1, P. Xuân Hòa       | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 40  | Nguyễn Thị Minh Xuân | 1965     | 271642480 | E69, KP2, P. Xuân Bình, TT 151/17, tổ 4, KP2, P. Xuân | Rửa chén, đĩa                                     | Bò bít tết bà Hoa, Quang Trung, P. Xuân An   | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 41  | Trần Thị Kim Ngân    | 1972     | 271692252 | Tổ 4, KP2, P. Xuân Hòa                                | Rửa chén                                          | Quán ăn cơm tấm, Thích Quảng Đức, P. Xuân An | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 42  | Mai Thúy Vân         | 1982     | 272671235 | Tổ 4, KP2, P. Xuân Hòa                                | Phụ bán cà phê, giải khát                         | 128, Hồ Thị Hương, P. Xuân Trung             | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |

| STT | Họ và tên           | Năm sinh | CMND      | Địa chỉ                                | Công việc trước khi bị mất việc | Địa điểm làm việc                                               | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng) | Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng) | Ký nhận và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|-----|---------------------|----------|-----------|----------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------|---------------------------|--------------------------|---------|
| 43  | Phan Hoàng Hữu Nhật | 2004     | 276074440 | Tổ 4, KP2, P. Xuân Hòa                 | Phụ bếp                         | Ba Đò, 151, Nguyễn Thị Minh Khai, KP2, P. Xuân Hòa              | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 44  | Ngô Thị Phương      | 1974     | 272205120 | tổ 5, KP2, P. Xuân Hòa                 | Bán hàng rong (trái cây)        | Bán trái cây tại ngã ba tân phong. P. Xuân Tân                  | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 45  | Nguyễn Thị Diễm     | 1970     | 271566038 | P. Xuân Hòa                            | Phục vụ                         | Quán Phở Cỏ, 173, Quang Trung, KP2, P. Xuân Hòa                 | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 46  | Bùi Thị Phương      | 1979     | 271975465 | P. Xuân Hòa                            | phụ quán                        | Quán Mì Quảng, đường Quang Trung, KP4, P. Xuân Hòa              | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 47  | Vũ Nguyễn Thiên Hà  | 1998     | 272586237 | P. Xuân Hòa                            | Pha chế                         | Cà phê Green số 119, Nguyễn Trãi, KP2, P. Xuân Hòa              | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 48  | Hà Thị Huệ          | 1970     | 272634316 | Hẻm 102, Nguyễn Trãi, KP2, P. Xuân Hòa | Rửa chén                        | Quán 611, Nguyễn Tri Phương, P. Xuân An                         | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 49  | Nguyễn Ngọc Hồng    | 1970     | 270863336 | Tổ 6, KP2, P. Xuân Hòa                 | Rửa chén                        | Quán Bún Bò, 114, NT, P. Xuân Hòa                               | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 50  | Vũ Thị Kim Liên     | 1979     | 271321073 | 113, Nguyễn Trãi, KP2, P. Xuân Hòa     | Phụ quán                        | Quán Bún riêu, 113, NT, KP3, P. Xuân Hòa                        | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 51  | Đặng Thị Mộng Thu   | 1963     | 270573542 | Tổ 6, KP2, P. Xuân Hòa                 | Rửa chén                        | Quán Làng Nướng Phở Đêm, Nguyễn Thị Minh Khai, KP2, P. Xuân Hòa | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |

| STT | Họ và tên          | Năm sinh | CMND      | Địa chỉ                            | Công việc trước khi bị mất việc | Địa điểm làm việc                                         | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại (BVT đồng) | Số tiền hỗ trợ (BVT đồng) | Ký nhận và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------|-----------|------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------|---------------------------|--------------------------|---------|
| 52  | Vũ Thị Ánh Hồng    | 1968     | 270877215 | 121, Nguyễn Trãi, KP2, P. Xuân Hòa | Bán hàng rong (cá viên chiên)   | Công viên phố đi bộ đường Lê Lợi, P. Xuân An              | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 53  | Phạm Quỳnh Dương   | 1965     | 270572810 | 121, Nguyễn Trãi, KP2, P. Xuân Hòa | Bán hàng rong (cá viên chiên)   | Công viên phố đi bộ đường Lê Lợi, P. Xuân An              | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 54  | Dương Hồng Hào     | 1980     | 271463676 | Tổ 7, KP2, P. Xuân Hòa             | Pha chế                         | quán cà phê 156, Nguyễn Trãi, KP2, P. Xuân Hòa            | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 55  | Huỳnh An Phú       | 2002     | 272872180 | Tổ 7, KP2, P. Xuân Hòa             | phục vụ                         | 908, Nguyễn Trãi, KP2, P. Xuân Hòa                        | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 56  | Nguyễn Thị Lợi     | 1963     | 271806184 | Tổ 8, KP2, P. Xuân Hòa             | Rửa chén                        | Quán Mỹ cay, Nguyễn Thị Minh Khai, P. Xuân An             | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 57  | Trần Thị Kim Phụng | 1976     | 271603820 | Hẻm 124, KP2, P. Xuân Hòa          | Phụ bếp                         | Cơm tấm 891, Quang Trung, KP4, P. Xuân Hòa                | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 58  | Võ Thị Ngọc Thảo   | 1985     | 271603469 | 124/27, tổ 8, KP2, P. Xuân Hòa     | Phụ quán                        | Cà phê Lan Ngọc Camry, 989, Nguyễn Trãi, KP5, P. Xuân Hòa | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 59  | Đoàn Thị Hiệp      | 1971     | 270917406 | 234, Nguyễn Trãi, KP2, P. Xuân Hòa | Phụ quán                        | Quán ăn gia đình số 24, Nguyễn Trãi, KP2, P. Xuân Hòa     | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 60  | Đoàn Thị Đào       | 1982     | 271463847 | 248/2, Nguyễn Trãi, KP2            | Phụ bếp                         | Quán ăn gia đình số 24, NT, KP2, P. Xuân Hòa              | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |

| STT | Họ và tên            | Năm sinh | CMND      | Địa chỉ                                                                 | Công việc trước khi bị mất việc | Địa điểm làm việc                                                | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng) | Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng) | Ký nhận và ghi rõ họ tên | Chú chú |
|-----|----------------------|----------|-----------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------|---------------------------|--------------------------|---------|
| 61  | Huỳnh Kim Phương     | 1977     | 371691527 | Nhà trọ Hải Văn<br>Ô trọ 3 năm tại<br>Tổ 10, KP2, P.<br>Xuân Hòa, ở trọ | Phụ quán                        | Quán Dê Hoàng Dã,<br>Nguyễn Trãi, Tổ 10,<br>KP2, P. Xuân Hòa     | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 62  | Phan Minh Dương      | 1996     | 272586629 | Áp 18 gia đình,<br>xã Bảo Quang.                                        | Phụ quán                        | Cà phê Năng,<br>Nguyễn Trãi, tổ 10,<br>KP2, P. Xuân Hòa          | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 63  | Lý Sĩ Sang           | 2003     | 272894378 | P. Xuân Hòa                                                             | Phụ quán                        | Cà phê Năng,<br>Nguyễn Trãi, tổ 10,<br>KP2, P. Xuân Hòa          | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 64  | Lê Thị Quỳnh Như     | 1996     | 272614141 | Ruộng Hời, P.<br>Bảo Vinh                                               | Phụ quán                        | Cà phê Doan<br>Nguyễn, 442, Hồ<br>Thị Hương, KP2, P.<br>Xuân Hòa | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 65  | Ngô Văn Hải          | 1958     | 272137729 | 430/49/1/2, Hồ<br>Thị Hương,<br>KP2, P. Xuân Hòa                        | Phụ quán                        | Quán Hương Việt,<br>14, Nguyễn Thị<br>Minh Khai, P. Xuân<br>An   | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 66  | Lý Thị Tuyết Đông    | 1963     | 272451756 | Tổ 12, KP2, P.<br>Xuân Hòa                                              | Bán hàng rong<br>(bán trái cây) | Chợ Xuân Hòa                                                     | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 67  | Nguyễn Thị Hoa       | 1964     | 272081468 | Tổ 12, KP2, P.<br>Xuân Hòa                                              | phụ bán cà phê,<br>giải khát    | Tổ 12, KP2, P.<br>Xuân Hòa                                       | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 68  | Nguyễn Thị Cẩm Giang | 1988     | 221221441 | Tổ 13, KP2, P.<br>Xuân Hòa                                              | Phụ quán                        | Quán chà lụi, 130,<br>Thích Quảng Đức,<br>P. Xuân An             | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 69  | Lê Thị Phương        | 1960     | 270657347 | Tổ 13, KP2, P.<br>Xuân Hòa                                              | Rửa chén                        | Quán Bún Bò<br>Hương, Hùng<br>Vương, P. Xuân Hòa                 | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |

| STT | Họ và tên         | Năm sinh | CMND      | Địa chỉ                                  | Công việc trước khi bị mất việc | Địa điểm làm việc                                       | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng) | Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng) | Ký nhận và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|-----|-------------------|----------|-----------|------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------|---------------------------|--------------------------|---------|
| 70  | Nguyễn Thị Vân    | 1962     | 272587045 | Tổ 13, KP2, P. Xuân Hòa                  | Rửa chén                        | Cơm Tấm Trần Phú, P. Xuân An                            | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 71  | Cao Thị Ngọc Nhân | 1983     | 272587220 | Tổ 13, KP2, P. Xuân Hòa                  | Bán hàng rong (bán bánh canh)   | Bán bánh canh dạo chợ Xuân Hòa                          | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 72  | Nguyễn Hữu Nam    | 1984     | 272496380 | Tổ 13, KP2, P. Xuân Hòa                  | Bán hàng rong (bán trái cây)    | Bán trái cây dạo đường Quang Trung, P. Xuân Hòa         | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 73  | Phạm Thị Nguyệt   | 1952     | 272496763 | Tổ 13, KP2, P. Xuân Hòa                  | Bán hàng rong (bán trái cây)    | Bán trái cây dạo trên các tuyến đường TP. Long Khánh    | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 74  | Đặng Ngọc Cẩm Tấn | 1987     | 271835268 | 430/15/8, Hồ Thị Hương, KP2, P. Xuân Hòa | Phụ quán                        | Quán Cơm tấm, Hồ Thị Hương, ấp Bầu Trăm, xã Bầu Trăm    | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 75  | Phạm Thị Huệ      | 1960     | 272496116 | Tổ 13, KP2, P. Xuân Hòa                  | Bán hàng rong (bán trái cây)    | Bán trái cây dạo đường Nguyễn Thị Minh Khai, P. Xuân An | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 76  | Phạm Thị Lan      | 1958     | 272450026 | 430/45, KP2, P. Xuân Hòa                 | Bán hàng rong (bán trái cây)    | Bán trái cây dạo tại các tuyến đường Long Khánh         | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 77  | Nguyễn Văn Biện   | 1958     | 272450025 | 430/45, KP2, P. Xuân Hòa                 | Bán hàng rong (bán trái cây)    | Bán trái cây dạo tại các tuyến đường Long Khánh         | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 78  | Phạm Phú Cường    | 1981     | 271404814 | Tổ 13, KP2, P. Xuân Hòa                  | Bán hàng rong (bán trái cây)    | Bán trái cây dạo tại ngã ba Tân Phong, P. Xuân Tân      | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |

| STT | Họ và tên           | Năm sinh | CMND      | Địa chỉ                                | Công việc trước khi bị mất việc | Địa điểm làm việc                               | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng) | Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng) | Ký nhận và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|-----|---------------------|----------|-----------|----------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------|------------------------------|---------------------------|--------------------------|---------|
| 79  | Phạm Tấn Hoàng      | 1954     | 272137969 | Tổ 13, KP2, P. Xuân Hòa                | Bán hàng rong (bán trái cây)    | Bán trái cây dạo tại các tuyến đường Long Khánh | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 80  | Bùi Thị Thanh Tuyền | 1993     | 272671083 | Tổ 13, KP2, P. Xuân Hòa                | Rửa chén                        | Quán bánh canh Trần Phú, P. Xuân An             | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 81  | Nguyễn Duy Kha      | 2001     | 272813347 | Tổ 13, KP2, P. Xuân Hòa                | Phụ quán                        | Quán Đồng Lợi, Hai Bà Trưng, KP3, P. Xuân Hòa   | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 82  | Nguyễn Thị Ngọc Hoa | 1968     | 300628967 | Tổ 7, KP2, P. Xuân Hòa                 | Bán nước mía                    | Tổ 7, KP2, P. Xuân Hòa                          | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 83  | Phạm Hồng Phương    | 1984     | 271600817 | 430/41, Hồ Thị Hương, KP2, P. Xuân Hòa | bán hàng rong (bán trái cây)    | Ngã ba Tân Phong, P. Xuân Tân                   | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 84  | Vũ Tiến Dũng        | 1986     | 271801221 | Tổ 2, KP2, P. Xuân Hòa                 | Phụ quán                        | Quán Sam cua, KP2, P. Xuân Hòa                  | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 85  | Lưu Hồng Hiến       | 1962     | 272081984 | Tổ 9, KP2, P. Xuân Hòa                 | phụ quán                        | Gò mít 908, Nguyễn Trãi, KP2, P. Xuân Hòa       | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 86  | Ngô Ngọc Anh        | 1970     | 270857842 | Tổ 9, KP2, P. Xuân Hòa                 | Phụ bếp                         | Gò mít 908, Nguyễn Trãi, KP2, P. Xuân Hòa       | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 87  | Ngô Đạt Thịnh       | 1993     | 272255953 | Tổ 9, KP2, P. Xuân Hòa                 | Phụ quán                        | Gò mít 908, Nguyễn Trãi, KP2, P. Xuân Hòa       | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |

| STT | Họ và tên          | Năm sinh | CMND      | Địa chỉ                                 | Công việc trước khi bị mất việc | Địa điểm làm việc                                 | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại (DVT đồng) | Số tiền hỗ trợ (DVT đồng) | Ký nhận và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------|-----------|-----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------|------------------------------|---------------------------|--------------------------|---------|
| 88  | Dương Thị Nhân     | 1998     | 241719332 | Tổ 9, KP2, P. Xuân Hòa                  | Phụ quán                        | Gòl mít 908, Nguyễn Trãi, KP2, P. Xuân Hòa        | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 89  | Ngô Thị Sơn        | 1972     | 271228431 | Tổ 9, KP2, P. Xuân Hòa                  | Phụ bếp                         | Gòl mít 908, Nguyễn Trãi, KP2, P. Xuân Hòa        | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 90  | Nguyễn Hoàng Phong | 1967     | 270724477 | Tổ 9, KP2, P. Xuân Hòa                  | Phụ bếp                         | Gòl mít 908, Nguyễn Trãi, KP2, P. Xuân Hòa        | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 91  | Đinh Thị Trúc Nhã  | 2000     | 221447405 | P. Xuân Hòa (có giấy xác nhận)          | Phụ quán ăn                     | Miến gà Châu, 109, Hai Bà Trưng, KP4, P. Xuân Hòa | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 92  | Lê Ngọc Minh Trí   | 1983     | 271502008 | 14, Hai Bà Trưng, KP3, P. Xuân Hòa      | Phụ quán                        | Quán Bếp Nhà, 160, Phạm Hùng, P. 5, Q.8, TP. HCM  | 01/4/2020          |                              | 1.000.000                 |                          |         |
| 93  | Hồ Thị Cẩm Tú      | 1987     | 276074518 | 126/14, Tô Hiến Thành, KP3, P. Xuân Hòa | Phụ quán                        | Quán Bò Lả Lốt, N27, Hùng Vương, P. Xuân Bình     | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 94  | Lữ Thị Cúc         | 1959     | 270582569 | 605, KP3, P. Xuân Hòa                   | Rửa chén                        | Quán Bún Bò Hàng, K72, hẻm 78/3, P. Xuân Bình     | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 95  | Nguyễn Mạnh Thảo   | 1948     | 272163332 | 605, Hùng Vương, KP3, P. Xuân Hòa       | Chạy xe ôm                      | Bệnh Viện Long Khánh                              | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 96  | Tô Thị Hơi         | 1967     | 270797198 | 197/15, KP3, P. Xuân Hòa                | Rửa chén                        | Quán ăn Thái Bình Dương, P. Xuân Bình             | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |

| STT | Họ và tên           | Năm sinh | CMND      | Địa chỉ                              | Công việc trước khi bị mất việc | Địa điểm làm việc                             | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng) | Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng) | Ký nhận và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|-----|---------------------|----------|-----------|--------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------|------------------------------|---------------------------|--------------------------|---------|
| 97  | Trần Thị Lan Thanh  | 1970     | 270857791 | Tổ 9, KP3, P. Xuân Hòa               | Phụ quán                        | Cà Phê Gỗ, Nguyễn Trãi, KP2, P. Xuân Hòa      | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 98  | Lê Thùy Anh Thư     | 1996     | 272423165 | Tổ 9, KP3, P. Xuân Hòa               | Phụ quán                        | Cà Phê Gỗ, Nguyễn Trãi, KP2, P. Xuân Hòa      | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 99  | Cao Thanh Hoàng     | 1969     | 271075669 | 132, Tô Hiến Thành, KP3, P. Xuân Hòa | Chạy xe ôm                      | Bệnh viện Long Khánh                          | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 100 | Nguyễn Thị Thanh Hà | 1971     | 270918981 | Tổ 8, KP3, P. Xuân Hòa               | Rửa chén                        | Quán Phở Nướng, Nguyễn Trãi, KP3, P. Xuân Hòa | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 101 | Nguyễn Tinh Thành   | 1966     | 271075592 | 126/11, KP3, P. Xuân Hòa             | Chạy xe ôm                      | Chợ Long Khánh                                | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 102 | Nguyễn Thùy Linh    | 1981     | 285455258 | Ấp Cẩm Tân, P. Xuân Tân              | Phụ quán                        | Phở Danh, Nguyễn Trãi, KP3, P. Xuân Hòa       | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 103 | Trần Thị Kim Tuyến  | 1964     | 270580062 | 605, KP3, P. Xuân Hòa                | Phụ quán                        | Cà phê Romano, Hồ Thị Hương, KP2, P. Xuân Hòa | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 104 | Thổ Thị Thủy Vân    | 1982     | 271463946 | 57, Hai Bà Trưng, KP3, P. Xuân Hòa   | Phụ quán                        | Cơm Nụ 57, Hai Bà Trưng, KP3, P. Xuân Hòa     | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 105 | Ngô Thị Thân        | 1956     | 270774449 | 217/19/18, KP3, P. Xuân Hòa          | Phụ quán                        | Quán Cát Tường, 39, Đường 904, P. Xuân Thanh  | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |

| STT | Họ và tên             | Năm sinh | CMND      | Địa chỉ                                     | Công việc trước khi bị mất việc | Địa điểm làm việc                                  | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại (BVT đồng) | Số tiền hỗ trợ (BVT đồng) | Ký nhận và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|-----|-----------------------|----------|-----------|---------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------|------------------------------|---------------------------|--------------------------|---------|
| 106 | Nguyễn Thanh Phong    | 1960     | 274134619 | 48, Tô Hiến Thành, KP3, P. Xuân Hòa         | Thu mua phế liệu                | Hùng vương, Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Long Khánh   | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 107 | Nguyễn Thị Bích Thủy  | 1979     | 271404575 | Tổ 5, ấp Bàu Trâm, Xã Bàu Trâm              | Phụ quán ăn                     | Quán Com tám, Quang Trung, KP4, P. Xuân Hòa        | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 108 | Nguyễn Thị Yến Linh   | 1979     | 272680008 | 59/75/9, KP1, P. Quang Vinh, TP. Biên Hòa   | Phụ quán ăn                     | Phở Việt, 79, Quang Trung, KP4, P. Xuân Hòa        | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 109 | Lý Hồng Loan          | 1994     | 272336683 | 10, Nguyễn Thái Học, P. Xuân An             | Dầu bếp                         | Quán Hồng Kông, 52, Hai Bà Trưng, KP4, P. Xuân Hòa | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 110 | Nguyễn Trương Gia Huy | 2000     | 272796578 | Xã Nhân Nghĩa, Huyện Cẩm Mỹ                 | Phụ quán                        | Quán Hồng Kông, 52, Hai Bà Trưng, KP4, P. Xuân Hòa | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 111 | Hoàng Minh Thuận      | 2001     | 272894698 | Xã Nhân Nghĩa, Huyện Cẩm Mỹ                 | Phụ quán                        | Quán Hồng Kông, 52, Hai Bà Trưng, KP4, P. Xuân Hòa | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 112 | Lê Hoàng Tùng         | 1986     | 271717537 | Tổ 3, KP4, P. Xuân Hòa                      | Bốc vác                         | Bến xe chợ Long Khánh                              | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 113 | Nguyễn Thị Bích Hiền  | 2003     | 272960463 | 170, Nguyễn Thị Minh Khai, KP4, P. Xuân Hòa | Phụ quán                        | Cà phê Châu Mai Loan, KP5, P. Xuân Hòa             | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 114 | Nguyễn Thị Bích Dung  | 2003     | 272960464 | 170, Nguyễn Thị Minh Khai, KP4, P. Xuân Hòa | Phụ quán                        | Cà phê Châu Mai Loan, KP5, P. Xuân Hòa             | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |

| STT | Họ và tên            | Năm sinh | CMND      | Địa chỉ                                                | Công việc trước khi bị mất việc | Địa điểm làm việc                          | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng) | Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng) | Ký nhận và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|-----|----------------------|----------|-----------|--------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------|--------------------|------------------------------|---------------------------|--------------------------|---------|
| 115 | Nguyễn Thị Lệ Hà     | 1977     | 271257544 | 64/11, KP4, P. Xuân Hòa                                | Phụ quán                        | Cháo Lòng Tiên Hương, KP4, P. Xuân Hòa     | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 116 | Nguyễn Hữu Khánh     | 1961     | 270980034 | 121/22, KP4, P. Xuân Hòa                               | Chạy xe ôm                      | Chợ Long Khánh                             | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 117 | Nguyễn Xuân Hùng     | 1974     | 271165000 | 172. Nguyễn Thị Minh Khai, KP4, P. Xuân Hòa            | Pha chế                         | Cà phê Châu Mai Loan, KP5, P. Xuân Hòa     | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 118 | Võ Thị Thanh Minh    | 1966     | 271836981 | 83, Nguyễn Trãi, KP4                                   | Phụ quán                        | Bánh đa cua Hải phòng, KP4, P. Xuân Hòa    | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 119 | Võ Thị Lý            | 1973     | 271228675 | 79, Nguyễn Trãi, KP4, P. Xuân Hòa                      | Phụ quán                        | Bánh đa cua Hải phòng, KP4, P. Xuân Hòa    | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 120 | Nguyễn Thị Liễu      | 1967     | 380699865 | TT KP4, Phường Xuân Hòa (TT trên 5 năm không có        | phụ quán                        | Cà phê 838, Hai Bà Trưng, KP4, P. Xuân Hòa | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 121 | Trần Thị Trinh       | 1996     | 251001597 | TT. KP4, P. Xuân Hòa (TT trên 5 năm không có xác nhận) | phụ quán                        | Cà phê 838, Hai Bà Trưng, KP4, P. Xuân Hòa | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 122 | Võ Minh Quân         | 1988     | 271918558 | KP4, P. Xuân Hòa                                       | Đầu bếp                         | Quán 999, KP4, P. Xuân Hòa                 | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 123 | Dương Thị Thanh Thúy | 1989     | 215106864 | KP4, P. Xuân Hòa                                       | Phục vụ                         | Quán 999, KP4, P. Xuân Hòa                 | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |

| STT | Họ và tên          | Năm sinh | CMND      | Địa chỉ                            | Công việc trước khi bị mất việc                      | Địa điểm làm việc                                                | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng) | Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng) | Ký nhận và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------|-----------|------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------|---------------------------|--------------------------|---------|
| 124 | Trần Thị Lương     | 1974     |           | Tổ 13, KP2, P. Xuân Hòa            | Phụ quán                                             | Bún Bò Ty, Quang Trung, KP4, P. Xuân Hòa                         | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 125 | Nguyễn Thị Sự      | 1961     | 270572977 | 66A, Núi đỏ, phường Bầu Sen        | Phụ quán                                             | Bún Bò Ty, Quang Trung, KP4, P. Xuân Hòa                         | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 126 | Trần Thị Mỹ Linh   | 2003     | 276034234 | Tổ 3, KP5, P. Xuân Hòa             | Phụ quán                                             | Quán Làng Nướng Phố Đêm, 168, Nguyễn Thị Minh Khai, KP2, P. Xuân | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 127 | Lê Thị Oanh        | 2003     | 276034268 | Tổ 5, KP5, P. Xuân Hòa             | Phụ quán                                             | Quán Làng Nướng Phố Đêm, 168, Nguyễn Thị Minh Khai, KP2, P. Xuân | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 128 | Phan Công Nhi      | 1994     | 272396442 | Áp 18 gia đình, Xã Bảo Quang       | Dầu bắp                                              | Quán Làng Nướng Phố Đêm, 168, Nguyễn Thị Minh Khai, KP2, P. Xuân | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 129 | Nguyễn Thị Tâm     | 1957     | 270160945 | Áp 1, xã Xuân Đường, H. Cẩm Mỹ     | bán hàng rong (bán trứng triton, bánh tiêu, bánh bò) | Chợ Long Khánh                                                   | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 130 | Hứa Thị Ánh Hoa    | 1970     | 271134335 | 122, Quang Trung, KP4, P. Xuân Hòa | Bán nước mía                                         | 122, Quang Trung, KP4, P. Xuân Hòa                               | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 131 | Nguyễn Thị Lệ Thủy | 1983     | 301069925 | 188, Quang Trung, KP4, P. Xuân Hòa | Bán nước mía                                         | 188, Quang Trung, KP4, P. Xuân Hòa                               | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 132 | Lâm Chính Phương   | 1996     | 272397537 | KP Tân Thủy, P. Bầu Sen            | Phụ quán                                             | 808, Hai Bà Trưng, KP4, P. Xuân Hòa                              | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |

| STT | Họ và tên            | Năm sinh | CMND      | Địa chỉ                                               | Công việc trước khi bị mất việc | Địa điểm làm việc                                       | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng) | Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng) | Ký nhận và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|-----|----------------------|----------|-----------|-------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------|---------------------------|--------------------------|---------|
| 133 | Trần Văn Hải         | 1960     | 222163899 | KP2, P. Xuân Hòa                                      | Phụ quán                        | 808, Hai Bà Trưng, KP4, P. Xuân Hòa                     | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 134 | Trần Văn Lương       | 1996     | 272496515 | Tổ 7, KP2, P. Xuân Hòa                                | Phụ quán                        | 808, Hai Bà Trưng, KP4, P. Xuân Hòa                     | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 135 | Võ Thị Hòa           | 1971     | 272163472 | Ấp Bầu Sầm, Xã Bầu Trâm                               | phục vụ                         | Khách sạn Minh Ngọc, 162, Quang Trung, KP4, P. Xuân Hòa | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 136 | Nguyễn Thị Thu       | 1965     | 370573850 | 164, KP4, P. Xuân Hòa                                 | phục vụ                         | Khách sạn Minh Ngọc, 162, Quang Trung, KP4, P. Xuân Hòa | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 137 | Lâm Nguyễn Vũ        | 1991     | 272137388 | 164, KP4, P. Xuân Hòa                                 | phục vụ                         | Khách sạn Minh Ngọc, 162, Quang Trung, KP4, P. Xuân Hòa | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 138 | Nguyễn Thị Ngọc Hiền | 1982     | 272137388 | TT 69, đường 9/4 phường Xuân Thanh (có giấy xác nhận) | phục vụ                         | Khách sạn Minh Ngọc, 162, Quang Trung, KP4, P. Xuân Hòa | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 139 | Trần Thị Kim Thân    | 1980     | 260917519 | TT. Tổ 4, Nguyễn Thị Minh Khai, KP4, P. Xuân Hòa (có  | phục vụ                         | Khách sạn Minh Ngọc, 162, Quang Trung, KP4, P. Xuân Hòa | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 140 | Nguyễn Thị Phương    | 1971     | 272586756 | Tổ 1, KP2, P. Xuân Trung                              | phục vụ                         | Khách sạn Minh Ngọc, 162, Quang Trung, KP4, P. Xuân Hòa | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 141 | Mã Tuyết Lan         | 1979     | 271404162 | 40, Lý Thái Tổ, KP5, P. Xuân Hòa                      | Bán hàng rong (bán bắp luộc)    | Chợ Xuân Hòa                                            | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |

| STT | Họ và tên          | Năm sinh | CMND      | Địa chỉ                                    | Công việc trước khi bị mất việc | Địa điểm làm việc                             | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại (BVT đồng) | Số tiền hỗ trợ (BVT đồng) | Ký nhận và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------|-----------|--------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------|------------------------------|---------------------------|--------------------------|---------|
| 142 | Nguyễn Thị Huệ     | 1985     | 271774683 | 42, Lý Thái Tổ, KP5, P. Xuân Hòa           | Mua ve chai                     | KP5, Phường Xuân Hòa                          | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 143 | Nguyễn Thị Tín     | 1970     | 211326211 | 14/13 hẻm 13, Lý Thái Tổ, KP5, P. Xuân Hòa | Phụ quán                        | Phó Phương Dung, 21/4, Quốc lộ 1, P. Xuân Hòa | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 144 | Nguyễn Trung Hậu   | 1967     | 270868970 | KP5, P. Xuân Hòa                           | Chạy xe ba bánh                 | Chợ Long Khánh                                | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 145 | Lê Minh Trung      | 1998     | 272587792 | Phú Mỹ, P. Xuân Lập                        | Phục vụ                         | Cà phê Châu Mai Loan, 46, Nguyễn Trãi, KP5    | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 146 | Mai Thị Hoa        | 1982     | 260897291 | Ấp Bầu Trâm, xã Bầu Trâm                   | Nhân viên pha chế               | Cà phê Châu Mai Loan, 46, Nguyễn Trãi, KP5    | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 147 | Trần Văn Tường     | 1969     | 272163593 | KP Cẩm Tân, P. Xuân Tân                    | Nhân viên bảo vệ, giữ xe        | Cà phê Châu Mai Loan, 46, Nguyễn Trãi, KP5    | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 148 | Lê Thị Thúy Phương | 1974     | 331094328 | KP Cẩm Tân, P. Xuân Tân                    | nhân viên tạp vụ                | Cà phê Châu Mai Loan, 46, Nguyễn Trãi, KP5    | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 149 | Đinh Thị Châu      | 1969     | 191083108 | KP1, P. Phú Bình                           | Nhân viên pha chế               | Cà phê Châu Mai Loan, 46, Nguyễn Trãi, KP5    | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 150 | Nguyễn Thanh Chung | 1971     | 271295158 | KP5, P. Xuân Hòa                           | Bốc vác                         | Chợ Long Khánh                                | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |

| STT | Họ và tên          | Năm sinh | CMND      | Địa chỉ                                     | Công việc trước khi bị mất việc | Địa điểm làm việc                                   | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng) | Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng) | Ký nhận và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------|-----------|---------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------|------------------------------|---------------------------|--------------------------|---------|
| 151 | Nguyễn Thị Niên    | 1958     | 272336900 | 72, Lý Thái Tổ, KP5, P. Xuân Hòa            | Phục vụ quán                    | Quán bé thuì Hoàng Anh, Hồ Thị Hương, P. Xuân Thanh | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 152 | Huỳnh Thị Ngọc Mai | 1973     | 272813335 | 72, Lý Thái Tổ, KP5, P. Xuân Hòa            | Phục vụ                         | Quán An lạc, 60/1, Nguyễn Du, P. Xuân An            | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 153 | Lê Hoàng Trường    | 1965     | 270573126 | Hẻm 58, Lý Thái Tổ, KP5, P. Xuân Hòa        | chạy xe ba gác máy              | Bến xe Long Khánh                                   | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 154 | Nguyễn Văn Nam     | 1950     | 270857916 | Hẻm 58, Lý Thái Tổ, KP5, P. Xuân Hòa        | Chạy xe ôm                      | Chợ Long Khánh                                      | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 155 | Bùi Thị Ngọc Hoa   | 1969     | 270868446 | Tổ 5, KP5, P. Xuân Hòa                      | Phụ quán ăn                     | Bánh canh Trần Phú, 153, Trần Phú, P. Xuân An       | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 156 | Võ Thị Hoa         | 1972     | 270952008 | 422/17, KP5, P. Xuân Hòa                    | phụ bán cà phê, giải khát       | Quốc lộ 1, KP5, P. Xuân Hòa                         | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 157 | Lê Văn Kim         | 1957     | 272204123 | 18/12, Lý Thái Tổ, KP5, P. Xuân Hòa         | Giữ xe                          | Quán Sướng Nướng, Thích Quảng Đức, P. Xuân An       | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 158 | Trần Tú Lan        | 1975     | 271338159 | Tổ 6, KP5, P. Xuân Hòa                      | Phụ quán                        | Quán Sướng Nướng, Thích Quảng Đức, P. Xuân An       | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 159 | Lê Bá Huyền Trang  | 1986     | 271774824 | 418, Nguyễn Thị Minh Khai, KP4, P. Xuân Hòa | Nhân viên                       | Cơm chay Âu Lạc, tổ 2, KP5, P. Xuân Hòa             | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |

| STT | Họ và tên             | Năm sinh | CMND        | Địa chỉ                                     | Công việc trước khi bị mất việc       | Địa điểm làm việc                                     | Thời điểm mất việc | Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng) | Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng) | Ký nhận và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|-----|-----------------------|----------|-------------|---------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------|---------------------------|--------------------------|---------|
| 160 | Nguyễn Thị Ngọc Hương | 1951     | 271980393   | 418, Nguyễn Thị Minh Khai, KP4, P. Xuân Hòa | Rửa chén                              | Cơm chay Âu Lạc, tổ 2, KP5, P. Xuân Hòa               | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 161 | Nim Ngọc Mai          | 1980     | 271351390   | Hẻm 428, tổ 1, KP5, P. Xuân Hòa             | Phụ bán quán                          | Quán cà phê Mai Nguyễn, 428, tổ 1, KP5, P. Xuân Hòa   | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 162 | Hà Thị Hải            | 1964     | 272163231   | P. Bảo Vinh                                 | Bán hàng rong (bán bánh hò, bánh tét) | Trước Bưu điện Long Khánh, Hùng Vương, TP. Long Khánh | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 163 | Nguyễn Thị Phương     | 1976     | 112426322   | 908, Hùng Vương, KP5, P. Xuân Hòa           | Phụ quán                              | Phở Gia Truyền, tổ 4, KP5, P. Xuân Hòa                | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 164 | Nguyễn Văn Hiền       | 1975     | 271228337   | 42, Lý Thái Tổ, KP5, P. Xuân Hòa            | Bán hàng rong (bán dưa dáo)           | Chợ Xuân Hòa                                          | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 165 | Võ Thị Thanh Vân      | 1975     | 270878715   | 908, Hùng Vương, KP5, P. Xuân Hòa           | Phụ quán                              | Phở Gia Truyền, tổ 4, KP5, P. Xuân Hòa                | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 166 | Đoàn Văn Phước        | 2001     | 272872648   | 50/2, Nguyễn Trãi, KP5, Phường Xuân Hòa     | Phụ quán                              | Cà phê Năng Mới, Nguyễn Trãi, KP5, P. Xuân Hòa        | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 167 | Lê Đăng Hoàng         | 1995     | 38095002942 | 50/2, Nguyễn Trãi, KP5, Phường Xuân Hòa     | Phụ quán                              | Cà phê Năng Mới, Nguyễn Trãi, KP5, P. Xuân Hòa        | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |
| 168 | Vũ Văn Bảo            | 1987     | 271732709   | 50/2, Nguyễn Trãi, KP5, Phường Xuân Hòa     | Phụ quán                              | Cà phê Năng Mới, Nguyễn Trãi, KP5, P. Xuân Hòa        | 01/4/2020          | 0                            | 1.000.000                 |                          |         |

